

Bản án số: **219/2020 /HS-ST**

Ngày: 23/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Lệ Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Văn Chiến;

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 223/2020/HSST ngày 09/9/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2020/QĐXXST-HS ngày 10/9/2020, đối với bị cáo sau:

Họ và tên: Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1992; Giới tính: Nam; HKTT: Thôn Tráng, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn Q; Con bà: Nguyễn TL; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án tiền sự: Không;

Danh bản số: 344, lập ngày 26/5/2020, tại Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 17/5/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội.

*(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

**Bị hại:**

1. Anh Nguyễn Quý Đ; Sinh năm: 1988; HKTT tại: Xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;
2. Chị Phạm Thị Th; Sinh năm: 1992; HKTT: Xã Quỳnh Mỹ, huyện

Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;

Cùng cư trú tại: Ngõ 236/45, Đại Từ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

*(Các bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/5/2020, Nguyễn Văn T hẹn gặp bạn là anh Nguyễn Quý Đ (*Sinh năm: 1988; HKTT: Xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình*) trước đây làm cùng công ty sữa Nutifood, tại quán trà đá vỉa hè trên đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Quá trình ngồi nói chuyện, T thấy anh Đ sử dụng chiếc điện thoại Iphone 6S Plus, màu vàng, ốp lưng silicon màu trắng, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Đ lấy tiền tiêu và trả nợ. T sau đó lấy lý do điện thoại của mình đang trục trặc, không liên lạc được với người ship hàng nên hỏi mượn điện thoại của anh Đ để gọi. Sau khi mượn được điện thoại, T giả vờ đi ra ngoài nghe điện thoại để tìm cơ hội chiếm đoạt và lợi dụng lúc anh Đ không chú ý, T đã cầm theo điện thoại lên xe ôm bỏ đi đến khu vực siêu thị BigC-Thăng Long thuộc phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Khoảng 15 giờ cùng ngày, chị Phạm Thị Th (*Sinh năm: 1992; HKTT: Xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, là vợ anh Đ*) nhắn tin qua Zalo cho anh Đ. Do đã biết mật khẩu màn hình điện thoại của anh Đ nên T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của chị Th, T sau đó sử dụng tài khoản Zalo trong điện thoại của anh Đ nhắn tin cho chị Th bảo chuyển cho T số tiền 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) để gom hàng bán kiếm lời. Chị Th tin tưởng người nhắn tin Zalo là chồng mình nên đồng ý (*lúc này chị Th đang đi xe khách đi từ Phú Thọ đến Hà Nội*). Sau đó, T đi đến cửa hàng điện thoại “D Apple” của anh Nguyễn Trọng D (*Sinh năm: 1985; HKTT: Xóm Hoa Thám, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội*) tại địa chỉ: N02, liên kê 33, khu đất dịch vụ 16, 17, 18 AB, phường Dương Nội, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội để nhờ chuyển tiền qua tài khoản của anh D, thỏa thuận phí chuyển tiền là 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*). Sau đó, T lấy số tài khoản 8200188838888 của anh D và nhắn cho chị Th. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Th thực hiện lệnh chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) từ tài khoản của chị Th đến số tài khoản do T cung cấp qua ứng dụng Internet Banking. Sau khi nhận được tiền vào tài khoản, anh D đưa T đến cây ATM gần đó rút số tiền 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) và đưa

hết cho T, nhưng T chưa đưa cho anh D 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) phí chuyển tiền. Sau khi lấy được tiền, T đi xe buýt về Gia Lâm và trên đường đi, T tắt điện thoại, tháo sim vứt ở dọc đường. Số tiền chiếm đoạt được, T đã chi tiêu và chuyển khoản trả nợ cho chị Hồ Thị KA (*Sinh năm: 1985; HKTT: Tân Long B, Tân Thới, Phong Điền, thành phố Cần Thơ*), là bạn ngoài xã hội, số tiền 9.170.000 đồng (*Bằng chữ: Chín triệu, một trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Đến sáng ngày 16/5/2020, T đem chiếc điện thoại chiếm đoạt của anh Đ bán cho người nam giới tên Tuấn (không xác định được lai lịch) tại khu vực Đa Tốn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, với giá 1.500.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng*) và tiếp tục chuyển khoản trả nợ cho chị Hồ Thị KA số tiền 1.390.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Sau đó, T đã sử dụng Zalo mang tên Lò Duy Nhân nhắn tin đến Zalo của chị Th để hỏi tìm anh Đ. Chị Th nói chồng đi công tác nên T nghĩ chị Th chưa biết chồng bị mất điện thoại nên tiếp tục nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Th. Khoảng 13 giờ ngày 16/5/2020, T mua 01 sim điện thoại Viettel lắp vào điện thoại Iphone 6 màu bạc của T và lập tài khoản Zalo mới tên Duy Đ và lấy ảnh của vợ chồng anh Đ làm ảnh đại diện Zalo với mục đích giả vờ là anh Đ để nhắn tin cho chị Th nói chuyển cho T 22.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng*) để mua bán hàng của Công ty. Chị Th lúc này biết là bị lừa đảo nên đã hẹn gặp T tại khu vực phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội để giao tiền, sau đó đến trình báo sự việc tại Công an phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm. Khoảng 15 giờ 10 phút ngày 16/5/2020, khi T đến địa điểm đã hẹn chị Th để nhận tiền, thì bị Công an phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm phối hợp cùng với Công an phường Phúc Diễn kiểm tra và đưa T về trụ sở Công an để làm rõ.

Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Văn T, gồm có: 01 điện thoại di động Iphone 6, màu bạc, gắn sim số 0976.930.913.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, quận Nam Từ Liêm số: 330/KLĐGTS ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, quận Nam Từ Liêm, kết luận:

“- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, 128GB, màu vàng, đã qua sử dụng, mua năm 2016. Trị giá tài sản là: 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*);

- 01 chiếc ốp điện thoại silicon, màu trắng: Không đủ cơ sở định giá tài sản.

- 01 chiếc sim điện thoại thuê bao số: 0986716215. Trị giá tài sản là: 25.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn đồng./.)”

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Đối với anh Nguyễn Trọng D, do khi cho T mượn tài khoản và rút tiền chuyển khoản đưa cho T, nhưng anh D không biết là tiền do T phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với Hồ Thị KA, quá trình điều tra do chị KA vắng mặt tại địa phương, cơ quan điều tra không ghi được lời khai nên không có căn cứ để làm rõ và thu giữ số tiền do T chuyển vào tài khoản của KA.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình T đã bồi thường cho chị Phạm Thị Th số tiền 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Quý Đ trị giá chiếc điện thoại T chiếm đoạt của anh Đ. Anh Đ và chị Th không có yêu cầu bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Bản Cáo trạng số: 224/CT-VKSNTL ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định như sau:

Điều 174. Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”

Tại phiên tòa: Bị cáo T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, xác nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố đối với bị cáo về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T, kết luận giữ quan điểm như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại về tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần, trong đó có 01 lần bị cáo phạm tội chưa đạt, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 và Điều 57 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điều 57; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T với mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận bồi thường tài sản, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước phương tiện phạm tội của bị cáo là: 01 điện thoại di động, Iphone 6, màu bạc, bên trong có lắp sim số: 0976.930.913.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy, có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/5/2020, tại khu vực quán trà đá vỉa hè trên đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T có hành vi gian dối chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphone 6, trị giá 3.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba triệu đồng*) và 01 sim điện thoại trị giá 25.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi lăm nghìn đồng*) của anh Nguyễn Quý Đ.

Khoảng 16 giờ ngày 15/5/2020, tại địa chỉ: N02, liên kề 33, khu đất dịch vụ 16, 17, 18 AB, phường Dương Nội, quận Hà Đ, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T có hành vi gian dối chiếm đoạt 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*) của chị Phạm Thị Th.

Ngoài ra, khoảng 15 giờ 10 phút ngày 16/5/2020, tại khu vực phố Kiêu Mai, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T có hành vi gian dối mục đích chiếm đoạt 22.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng*) của chị Phạm Thị Th, nhưng chưa chiếm đoạt được do bị chị Th

phát hiện và trình báo cơ quan Công an.

Tổng trị giá tài sản T đã chiếm đoạt của bị hại là: 13.025.000 đồng (*Bằng chữ: Mười ba triệu, không trăm hai mươi lăm nghìn đồng*);

Bị cáo khai nhận tội. Hậu quả đã khắc phục. Anh Đ và chị Th có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố đối với bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, phù hợp với pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hậu quả xảy ra nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại thay cho bị cáo, bị hại đã nhận bồi thường thiệt hại về tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 03 lần, trong đó có 01 lần bị cáo phạm tội chưa đạt, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo T từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội bị cáo gây ra. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên giảm nhẹ một phần hình phạt, thấp hơn mức hình phạt

đề nghị của Kiểm sát viên, cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận bồi thường tài sản, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động, Iphone 6, màu bạc, bên trong có lắp sim số 0976.930.913, là phương tiện phạm tội của bị cáo, như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, là có căn cứ.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 174; Điều 38; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015;

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn T **15 (Mười lăm) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/5/2020.

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

**Về xử lý vật chứng:** Tịch thu nộp ngân sách Nhà Nước: 01 điện thoại di động, Iphone 6, màu bạc, imel: 356988069772263, bên trong có lắp sim số

0976.930.913 (Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 224, lập ngày 07/9/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Về án phí:** Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**Nơi nhận:**

- Lưu Hồ sơ vụ án.

- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**Nơi nhận:**

- Lưu HS.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**Nơi nhận:**

- Lưu HS.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Bộ phận Thi hành án HS Tòa án ND quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Lệ Thủy**

**Nơi nhận:**

- Lưu HS.

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1 Điều 584; Điều 589; Điều 288; Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

*Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh phải bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Đại Thanh (Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Thế Bình - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà (Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm (Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Dương - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng); Bồi thường cho anh Đỗ Nhật Thành số tiền: 12.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai triệu đồng);

Buộc bị cáo Đỗ Ngọc Minh và bị cáo Nguyễn Tiến Bằng phải liên đới bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Thanh Hà (Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Lưu - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở và quản lý khu đô thị Mường Thanh (Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Toàn - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 13.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười ba triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 6.500.000 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu, năm trăm nghìn đồng); Bồi thường cho Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thiên Trường Việt Nam (Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Oanh - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 10.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu đồng); Bồi thường cho Chi nhánh dịch vụ nhà ở Linh Đàm (Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Dương - Chức vụ: Giám đốc) số tiền: 15.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo phải bồi thường là: 7.500.000 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, Điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa và 01 thẻ gửi xe (Theo biên bản giao, nhận vật chứng số 110 ngày 20/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội);

Buộc bị cáo Tuấn phải truy nộp: 14.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười bốn triệu đồng*); Bị cáo Phong phải truy nộp: 10.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười triệu đồng*); Bị cáo Việt phải truy nộp: 4.500.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*); Bị cáo Minh phải truy nộp: 7.250.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Bị cáo Bằng phải truy nộp: 1.250.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*), nộp ngân sách Nhà Nước .

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 331, Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Các bị cáo: Minh, Bằng, Tuấn, Phong, Việt, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Minh phải chịu 4.425.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bằng phải chịu 1.575.000 đồng (*Bằng chữ: Một triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

